

Số: 12/2023/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 18 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 714/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp Thạnh Quý, xã B T, huyện B T, tỉnh B T.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp Thạnh Quý, xã B T, huyện B T, tỉnh B T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Văn V. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 135 (Quyển số 01/2004) ngày 01/11/2004 của Ủy ban nhân dân xã B T, huyện B T, tỉnh B T chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Chị Trịnh Thị N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc K, sinh ngày 21/7/2005. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn V có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung

Nguyễn Đức H, sinh ngày 28/5/2020. Ghi nhận anh V không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: không có.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chị Trịnh Thị N tự nguyện nộp toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000422 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Chị N được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Bảo Thạnh (Ba Tri – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu